ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



Báo cáo BTL Thiết kế xây dựng phần mềm

Đề tài: Thiết kế xây dựng phần mềm Thương mại điện tử AIMS Project

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Thu Trang

Sinh viên thực hiện: Phạm Thị Phương Nga 20200430

Đỗ Minh Nghĩa20204593Phạm Thị Kim Ngân20204673Đoàn Đình Phúc20200470

Hà Nội, 1/2024

Contents

Đ	óng g	óp c	ủa các thành viên	4
1	Us	secas	se Diagram	5
	1.1	Use	ecase diagram	5
	1.2	Qu	y trình nghiệp vụ	5
	1.3	Đặ	c tả usecase	6
	1.3	3.1	CRUD sản phẩm	6
	1.3	3.2	Tìm kiếm sản phẩm	8
	1.3	3.3	Lọc sản phẩm	.10
	1.3	3.4	Quản lý giỏ hàng	.13
2	Us	secas	se Analysis	.16
	2.1	Use	ecase CRUD sản phẩm	.16
	2.1	1.1	Sequence Diagram	.16
	2.1	1.2	Analysis class diagram	.16
	2.2	Use	ecase Tìm kiếm sản phẩm	.16
	2.2	2.1	Sequence Diagram	.16
	2.2	2.2	Analysis class diagram	.17
	2.3	Use	ecase Lọc sản phẩm	.18
	2.3	3.1	Sequence Diagram	.18
	2.3	3.2	Analysis class diagram	.19
	2.4	Use	ecase Quản lý giỏ hàng	.20
	2.4	4.1	Sequence Diagram	.20
	2.4	1.2	Analysis class diagram	.21
3	Int	terfa	ce Design	.21
	3.1	Use	er Interface Design	.21
	3.2	Sys	stem Interface Design	.22
	4.2	2.1.	Identify subsystems	.22
	4.2	2.2 I	dentify subsystem interface	.23
	4.2	2.3	Subsystem design	23

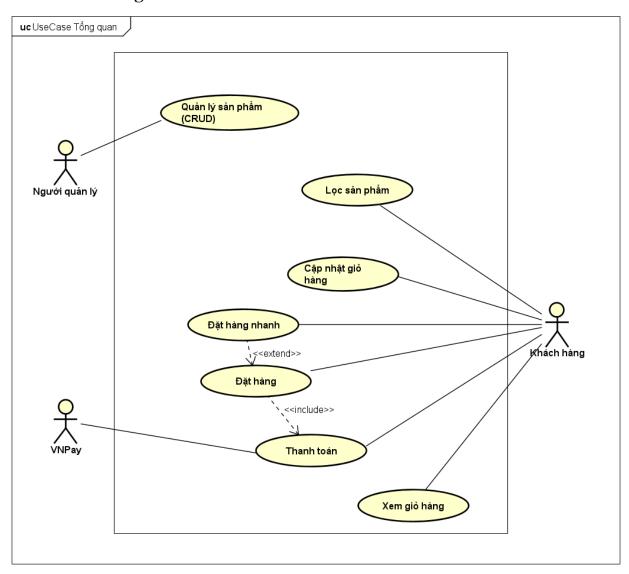
4	Cl	ass Design	24
	4.1	General class diagram	24
	4.2	Detail class diagrams	24
	4.2	2.1 Usecase Tìm kiếm, lọc sản phẩm	24
	4.3	Relationship class diagram	25
5	Da	ıta Modeling	26
	5.1	Conceptual data model	26
	5.2	Database Design	27
	5.2	2.1 Logical Data Model	27
	5.2	2.2 Physical Data Model	27
6	Go	ood Design	31
	6.1	Cohesion	31
	6.2	Coupling	34
	6.3	SOLID	38

Đóng góp của các thành viên

Họ và tên	MSSV	Đóng góp
Phạm Thị Phương Nga	20200430	 Phân tích, thiết kế usecase CRUD sản phẩm (phân tích yêu cầu, phân tích usecase, thiết kế giao diện (mediamanage), thiết kế lớp, viết unit test) Good design: phân tích, tìm các yếu tố cohesion, coupling, SOLID trong codebase
Phạm Thị Kim Ngân	20204673	 Phân tích, thiết kế usecase tìm sản phẩm theo tên, lọc sản phẩm (phân tích yêu cầu, phân tích usecase, thiết kế giao diện (homepage), thiết kế lớp, mô hình hóa dữ liệu, viết unit test) Good design: phân tích, tìm các yếu tố cohesion, coupling, SOLID trong codebase
Đỗ Minh Nghĩa	20204593	 Phân tích, thiết kế cho usecase quản lí giỏ hàng Good design: tìm các cohesion, coupling, solid
Đoàn Đình Phúc	20200470	 Good design: phân tích, tìm các yếu tố cohesion, coupling, SOLID trong codebase Good design: phân tích, tìm các yếu tố cohesion, coupling, SOLID trong codebase

1 Usecase Diagram

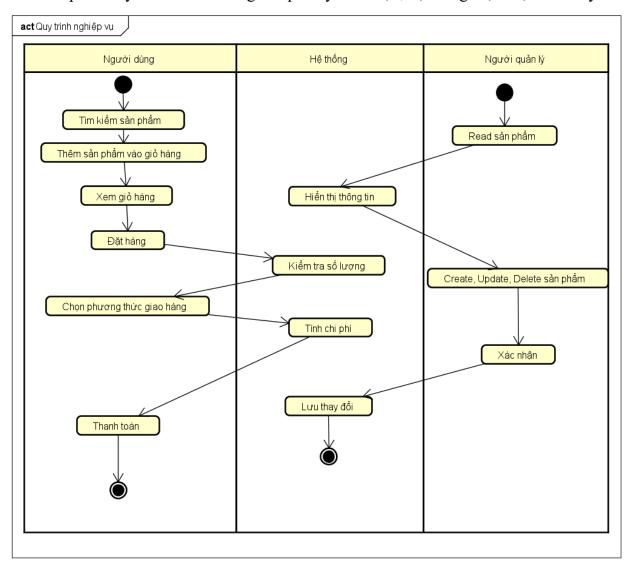
1.1 Usecase diagram



1.2 Quy trình nghiệp vụ

- Quy trình nghiệp vụ mua hàng trên hệ thống của khách hàng: khách hàng mở ứng dụng tìm kiếm sản phẩm trên trang chủ, thêm sản phẩm mình muốn mua vào giỏ hàng, sau đó vào giỏ hàng để xem lại lựa chọn của mình. Sau khi ấn đặt hàng khách hàng cần điền thông tin giao hàng và chọn phương thức đặt hàng. Nếu khách hàng chọn giao hàng nhanh và đáp ứng được điều kiện thì hệ thống sẽ yêu cầu khách hàng điền thêm 1 form chỉ dẫn giao hàng. Sau đó khách hàng được điều hướng đến thanh toán qua VNPay, khi thành công thì kết thúc phiên giao dịch.

- Quy trình nghiệp vụ của người quản lý sản phẩm: người quản lý mở ứng dụng, truy cập màn hình quản lý sản phẩm để xem các phẩm hiện có, sau đó thực hiện thêm, sửa, xóa sản phẩm tùy theo nhu cầu. Người quản lý xác nhận, hệ thống thực hiện lưu thay đổi.



1.3 Đặc tả usecase

1.3.1 CRUD sản phẩm

1. Mã use case

UC001

2. Giới thiệu

Use case mô tả sự tương tác giữa người quản lý sản phẩm và hệ thống khi người quản lý muốn xem thông tin, thêm, sửa, xóa sản phẩm.

3. Tác nhân

- Khách

4. Tiền điều kiện

Người quản lý đang ở giao diện trang chủ

5. Luồng sự kiện chính (Thành công)

- 1. Người quản lý ấn logo AIMS.
- 2. Hệ thống hiển thị màn hình quản lý sản phẩm
- 3. Người quản lý ấn các trường thông tin sản phẩm
- 4. Hệ thống hiển thị các sản phẩm theo trường thông tin được chọn xếp theo alphabet.
- 5. Người quản lý ấn nút delete
- 6. Hệ thống xóa sản phẩm

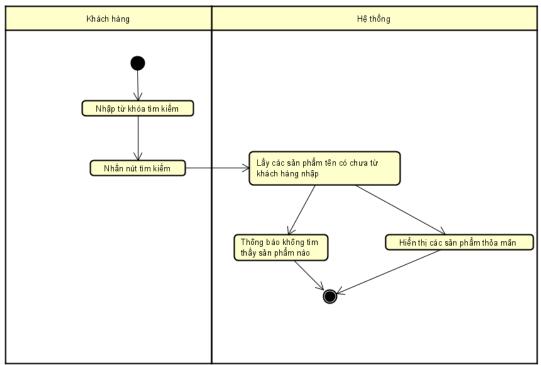
7.

6. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 1-Luồng sự kiện thay thế của Use case "Đăng nhập"

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1.	Tại bước 4	Nếu không tìm thấy sản phẩm nào	Hệ thống hiện thị thông báo không tìm thấy sản phẩm theo yêu cầu	Kết thúc usecase

7. Biểu đồ hoạt động



Hình 2-Biểu đồ hoạt động của Use case "Tìm kiếm sẩn phẩm"

8. Dữ liệu đầu vào

Bảng 2-Dữ liệu đầu vào của tìm kiếm sản phẩm

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên sản phẩm	Từ bất kì khách hàng nhập	Có	Không chỉ chứa mỗi khoảng trắng	book

9. Dữ liệu đầu ra

Danh sách sản phẩm thỏa mãn

No	Trường dữ liệu	Mô tả	Điều kiện hợp lệ	Example
1.	Tên sản phẩm			DVD Phim Vượt Ngục
2.	Số lượng 1 sản phẩm			2
3.	Giá một sản phẩm			50.000
4.	Ånh sån phẩm			

10. Hậu điều kiện

Không

1.3.2 Tìm kiếm sản phẩm

Use Case "Tìm kiếm sản phẩm"

11.Mã use case

UC002

12. Giới thiệu

Use case mô tả sự tương tác giữa khách hàng và hệ thống khi khách hàng tìm kiếm sản phẩm

13. Tác nhân

- Khách

14. Tiền điều kiện

Khách hàng đang ở giao diện trang chủ

15. Luồng sự kiện chính (Thành công)

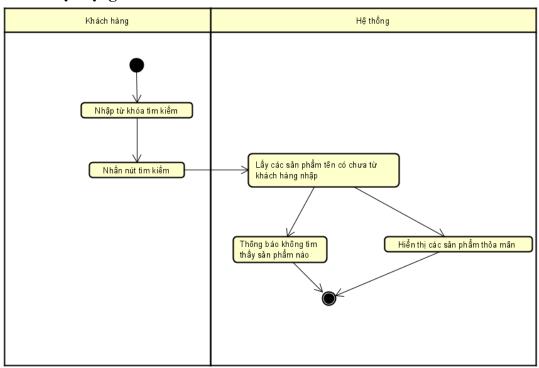
- 8. Khách hàng nhập từ khóa trên thanh tìm kiếm
- 9. Khách hàng ấn nút tìm kiếm
- 10. Hệ thống lấy ra các sản phẩm tên chứa nội dung khách hàng nhập
- 11. Hệ thống hiển thị các sản phẩm thỏa mãn

16. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 1-Luồng sự kiện thay thế của Use case "Đăng nhập"

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
2.	Tại bước 4	Nếu không tìm thấy sản phẩm nào	 Hệ thống hiện thị thông báo không tìm thấy sản phẩm theo yêu cầu 	Kết thúc usecase

17. Biểu đồ hoạt động



Hình 2-Biểu đồ hoạt động của Use case "Tìm kiếm sẩn phẩm"

18. Dữ liệu đầu vào

Bảng 2-Dữ liệu đầu vào của tìm kiếm sản phẩm

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
2.	Tên sản phẩm	Từ bất kì khách hàng nhập	Có	Không chỉ chứa mỗi khoảng trắng	book

19. Dữ liệu đầu ra

Danh sách sản phẩm thỏa mãn

No Trường dữ liệu Mô tả Điều kiện hợp lệ Example
--

5.	Tên sản phẩm		DVD Phim Vượt Ngục
6.	Số lượng 1 sản phẩm		2
7.	Giá một sản phẩm		50.000
8.	Ånh sån phẩm		

20. Hậu điều kiện Không

1.3.3 Lọc sản phẩm

Use Case "Lọc sản phẩm"

1. Mã use case

UC003

2. Giới thiệu

Use case mô tả sự tương tác giữa khách hàng và hệ thống khi khách hàng lọc tìm sản phẩm

3. Tác nhân

- Khách

4. Tiền điều kiện

Khách hàng đang ở giao diện trang chủ

5. Luồng sự kiện chính (Thành công)

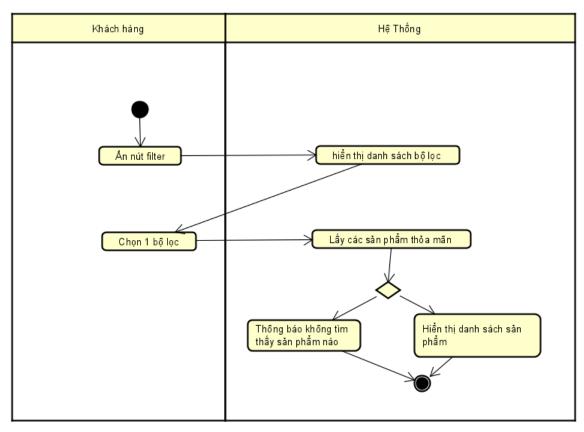
- 1. Khách hàng ấn vào nút filter
- 2. Hệ thống hiển thị danh sách các bộ lọc
- 3. Khách hàng chọn 1 bộ lọc mình muốn
- 4. Hệ thống lấy ra các sản phẩm thỏa mãn yêu cầu lọc
- 5. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm

6. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 1-Luồng sự kiện thay thế của Use case "Đăng nhập"

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1.	Tại bước 4	Nếu không tìm thấy sản phẩm nào	 Hệ thống hiện thị thông báo không tìm thấy sản phẩm theo yêu cầu 	Kết thúc usecase

7. Biểu đồ hoạt động



Hình 3-Biểu đồ hoạt động của Use case "Lọc sản phẩm"

8. Dữ liệu đầu vào

Bảng 2-Dữ liệu đầu vào của lọc sản phẩm

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên bộ lọc	Chọn từ danh sách	Có		dvd

9. Dữ liệu đầu ra

Danh sách sản phẩm thỏa mãn

No	Trường dữ liệu	Mô tả	Điều kiện hợp lệ	Example
1.	Tên sản phẩm			DVD Phim Vượt Ngục
2.	Số lượng 1 sản phẩm			2
3.	Giá một sản phẩm			50.000
4.	Ånh sån phẩm			

10. Hậu điều kiện

Không

1.3.4 Quản lý giỏ hàng

Use case "Quản lý giỏ hàng"

1. Mã use case

UC004

2. Giới thiệu

UseCase mô tả quá trình khách hàng thực hiện những thao tác để quản lý giỏ hàng của mình.

3. Tác nhân

Khách hàng

4. Tiền điều kiện

Không

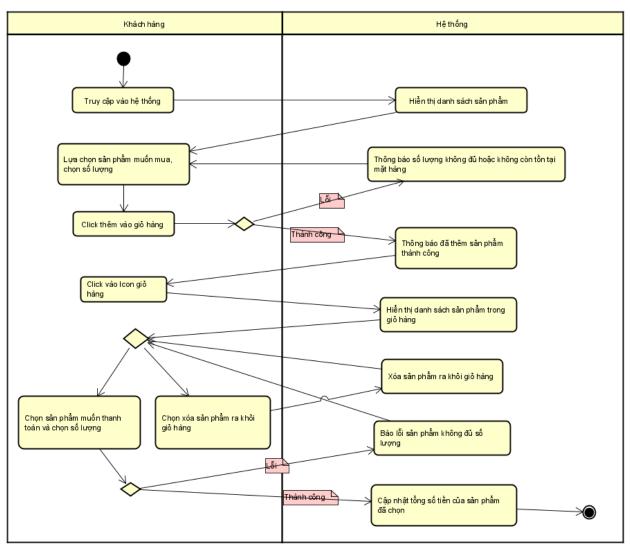
5. Luồng sự kiện chính (Thành công)

- 1. Khách hàng truy cập vào hệ thống.
- 2. Hệ thống hiển thị danh sách và thông tin sản phẩm.
- 3. Khách hàng chọn sản phẩm muốn mua, chọn số lượng sản phẩm cần mua.
- 4. Khách hàng click vào nút "Thêm vào giỏ hàng".
- 5. Hệ thống hiển thị thông báo đã thêm sản phẩm thành công.
- 6. Khách hàng click vào giỏ hàng.
- 7. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm có trong giỏ hàng.
- 8. Khách hàng lựa chọn sản phẩm muốn thanh toán.
- 9. Hệ thống hiển thị số tiền tổng sản phẩm đang chọn.

6. Luồng sự kiện thay thế

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1	4	Số lượng thêm vào giỏ hàng vượt quá số lượng trong kho	Hệ thống báo lỗi: Số lượng mặt hàng trong kho không đủ	Tiếp tục lại bước 3
2	8	Số lượng mua đang nhiều hơn số lượng trong kho	Hệ thống báo lỗi: Số lượng hàng hiện đang không đủ	Tiếp tục lại bước 8
3 .	8	Khách hàng chọn loại bỏ sản phẩm ra khỏi giỏ hàng.	Hệ thống loại sản phẩm ra khỏi giỏ hàng, nếu sản phẩm đang được chọn sẽ trừ số tiền của sản phẩm đó	Tiếp tục lại bước 8

7. Biểu đồ hoạt động



Biểu đồ hoạt động của Use case "Quản lí giỏ hàng"

8. Dữ liệu đầu vào

Dữ liệu đầu vào của quản lí giỏ hàng

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
3.	không				

9. Dữ liệu đầu ra

No	Trường dữ liệu	Mô tả	Điều kiện hợp lệ	Example
1	Tên sản phẩm			DVD Phim Vượt Ngục
2	Số lượng 1 sản phẩm			2
3	Tồng tiền sản phẩm			50.000

4	Thuế		10000
5	Thành tiền		110000

10. Hậu điều kiện

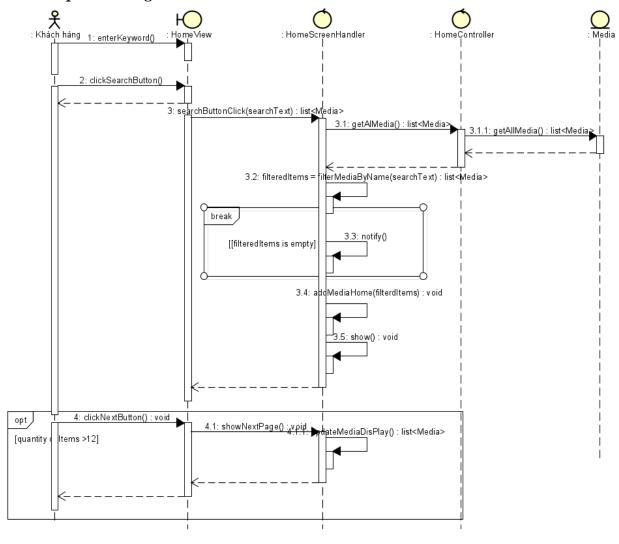
Không

2 Usecase Analysis

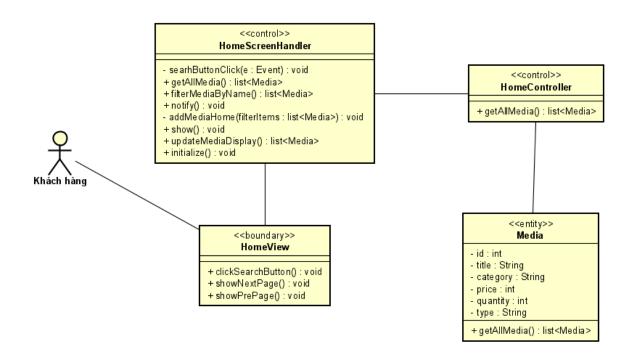
2.1 Usecase CRUD sản phẩm

- 2.1.1 Sequence Diagram
- 2.1.2 Analysis class diagram
- 2.2 Usecase Tìm kiếm sản phẩm

2.2.1 Sequence Diagram

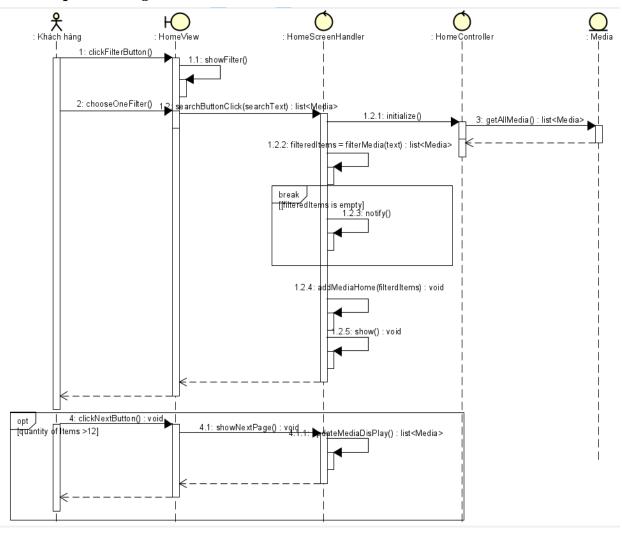


2.2.2 Analysis class diagram

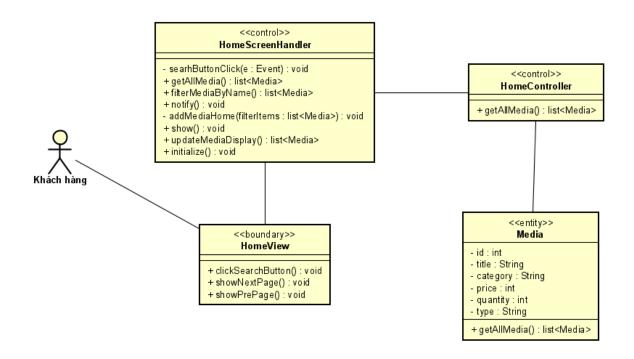


2.3 Usecase Lọc sản phẩm

2.3.1 Sequence Diagram

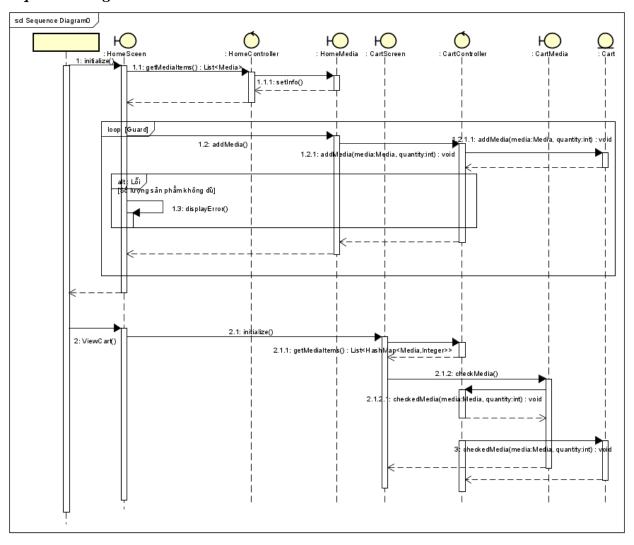


2.3.2 Analysis class diagram

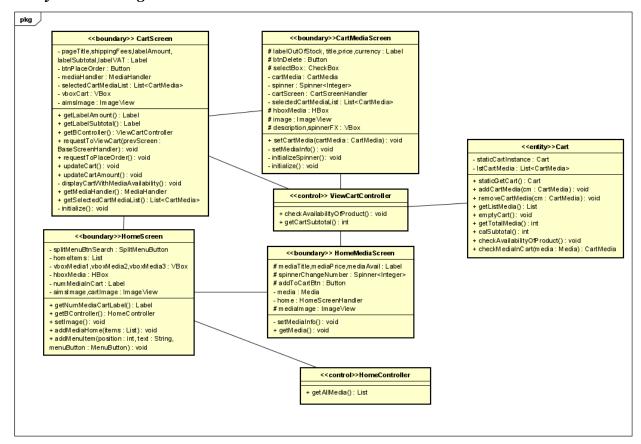


2.4 Usecase Quản lý giỏ hàng

2.4.1 Sequence Diagram



2.4.2 Analysis class diagram



3 Interface Design

3.1 User Interface Design

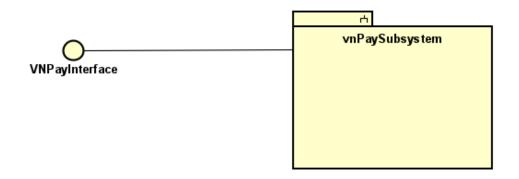
Home page

AIMS Software		Date of creation	Approv ed by	Revie wed by	Person in charge
Screen specification	View Home Page screen	5/1/2023			Phạm Thị Kim Ngân
		Control	Operati on	Function	
		Area for display products	Initial	Displays the infor	media with

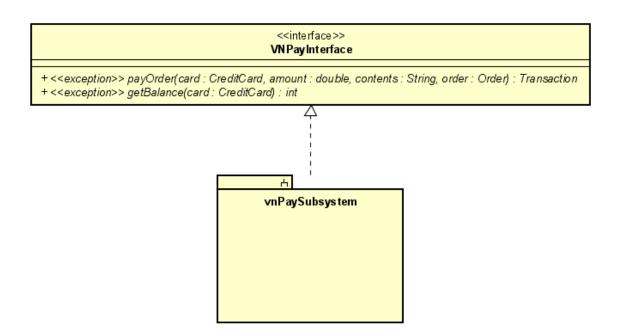


3.2 System Interface Design

4.2.1. Identify subsystems



4.2.2 Identify subsystem interface



4.2.3 Subsystem design

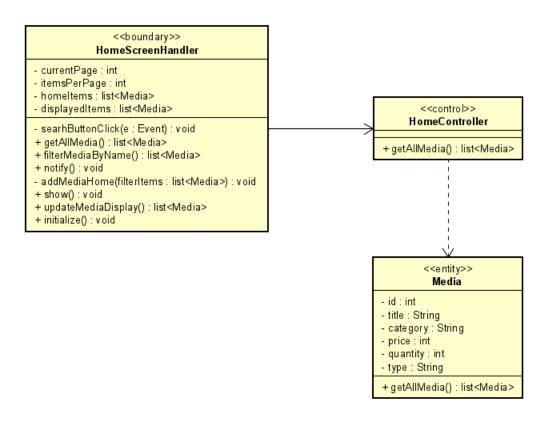
Phân phối hành vi của hệ thống con cho các thành phần của hệ thống con

4 Class Design

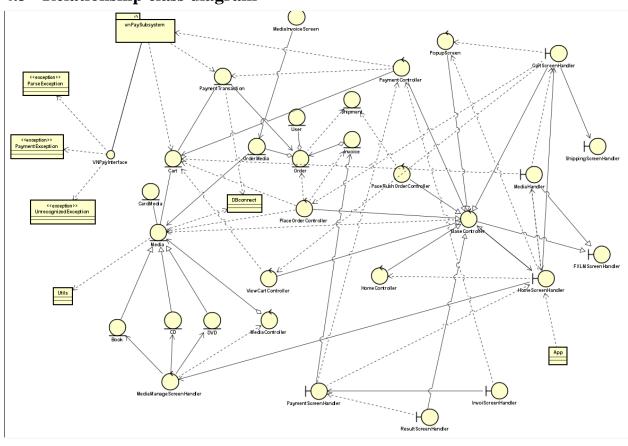
4.1 General class diagram

4.2 Detail class diagrams

4.2.1 Usecase Tìm kiếm, lọc sản phẩm

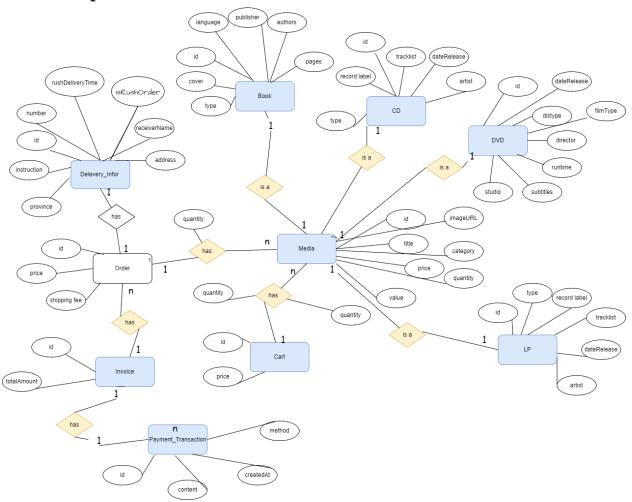


4.3 Relationship class diagram



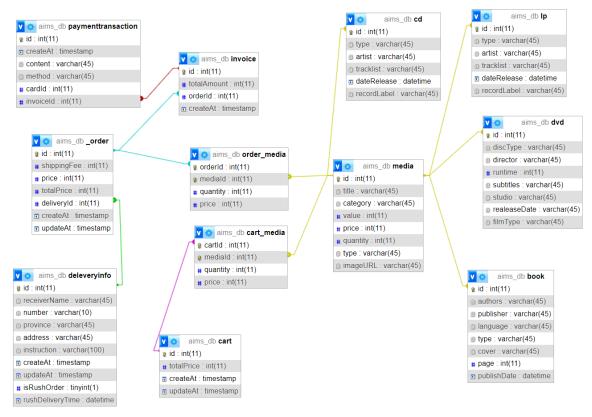
5 Data Modeling

5.1 Conceptual data model



5.2 Database Design

5.2.1 Logical Data Model



5.2.2 Physical Data Model

Media

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.	X		id	int	yes	ID, auto increment
2.			title	Varchar(45)	yes	Product's name
3.			category	Varchar(45)	yes	Media type, eg., cd, DVD
4.			value	int	yes	Value of the product
5.			price	int	yes	Current price
6.			quantity	int	yes	Number of products
7.			type	Varchar(45)	yes	type
8.			imageURL	Varchar(45)	yes	Product image path

- CD

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description

1.	x	id	int	yes	ID, same as ID of Media of twhich type is CD
2.		type	Varchar(45)	yes	Music genres
3.		artist	Varchar(45)	yes	Artist's name
4.		dateRelease	datetime	No	Release date
5.		recordLabel	Varchar(45)	yes	Record label

- LD

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.		x	id	int	yes	ID, same as ID of Media of twhich type is CD
2.			type	Varchar(45)	yes	Music genres
3.			artist	Varchar(45)	yes	Artist's name
4.			dateRelease	datetime	No	Release date
5.			recordLabel	Varchar(45)	yes	Record label

- Book

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.		x	id	int	yes	ID, same as ID of Media of which type is Book
2.			authors	Varchar(45)	yes	Authors of the book
3.			publisher	Varchar(45)	yes	Publishing house
4.			language	Varchar(45)	yes	Language
5.			type	Varchar(45)	yes	Cover type
6.			cover	Varchar(45)	yes	Book cover
7.			page	int	yes	Page number
8.			publishDate	datetime	yes	Date of publishing

- dvd

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.		x	id	int	yes	ID, same as ID of Media of which type is DVD
2.			discType	VARCHAR(45)	yes	Disc type
3.			director	VARCHAR(45)	Yes	Director

28

4.	runtime	int	Yes	Duration
5.	subtitles	VARCHAR(45)	Yes	Subtitles
6.	studio	VARCHAR(45)	yes	Manufacturer
7.	releaseDate	Datetime	Yes	Release date
8.	filmType	VARCHAR(45)	yes	Genres

- cart

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.	х		id	int	yes	ID, auto increment
2.			totalPrice	int	yes	Total price
3.			createAt	timestamp	yes	The time the first product is added to the card
4.			updateAt	timestamp	yes	The last time product is update to the card

- cart_media

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
5.		Х	cardId	int	yes	Card ID
6.		х	mediald	int	yes	same as ID of Media
7.			quantity	int	yes	Number of a product
8.			price	int	yes	Price of a product

- deliveryinfo

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.	x		id	int	yes	ID, auto increment
2.			receiverName	Varchar(45)	yes	Receiver name
3.			number	Varchar(10)	yes	Receiver phone number
4.			province	Varchar(45)	yes	Provinces
5.			address	Varchar(45)	yes	Delivery address
6.			instruction	Varchar(100)	yes	Delivery instructions
7.			createAt	timestamp	yes	
8.			updateAt	timestamp	yes	
9.			isRushOrder	boolean	yes	rush delivery method
10.			rushDeliveryTime		no	

29

- order

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.	Х		id	int	yes	Id, auto increment
2.			shippingFee	int	yes	Shipping Fee
3.			price	int	yes	Selling price
4.			totalPrice	int	yes	Selling price + VAT
5.		Х	deliveryId	int	yes	Delivery Info ID
6.			createAt	timestamp	yes	
7.			updateAt	timestamp	yes	

- order_media

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.		Х	orderId	int	yes	Order ID
2.		х	mediald	int	yes	Media ID
3.			quanity	int	yes	Number
4.			price	int	yes	Selling price

- invoice

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
1.	х		id	int	yes	ID
2.			totalAmount	int	yes	Total
3.		х	orderId	int	yes	Order ID
4.			createAt	timestamp	yes	The moment create invoice

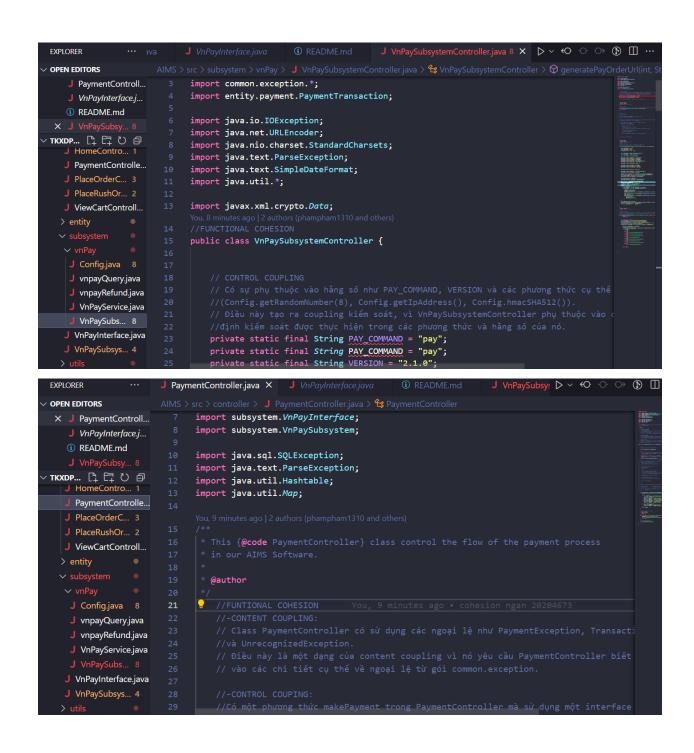
- paymenttransaction

#	PK	FK	Column Name	Data type	Mandatory	Description
5.	Х		id	int	yes	ID
6.			createAt	timestamp	yes	Date of creation
7.			content	Varchar(45)	yes	Transaction contents
8.			method	Varchar(45)	yes	Payment methods
9.		х	cardId	int	yes	ID of used card
10.		х	invoiceId	int	yes	Invoice ID

6 Good Design

6.1 Cohesion

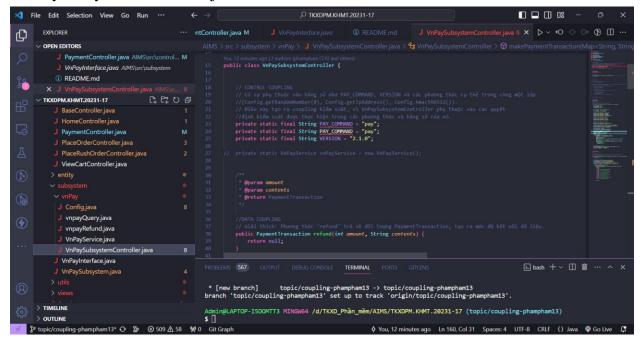
Ngân: Phân tích cohesion có trong file PaymentController.java,
 VnPaySubsystemController.java

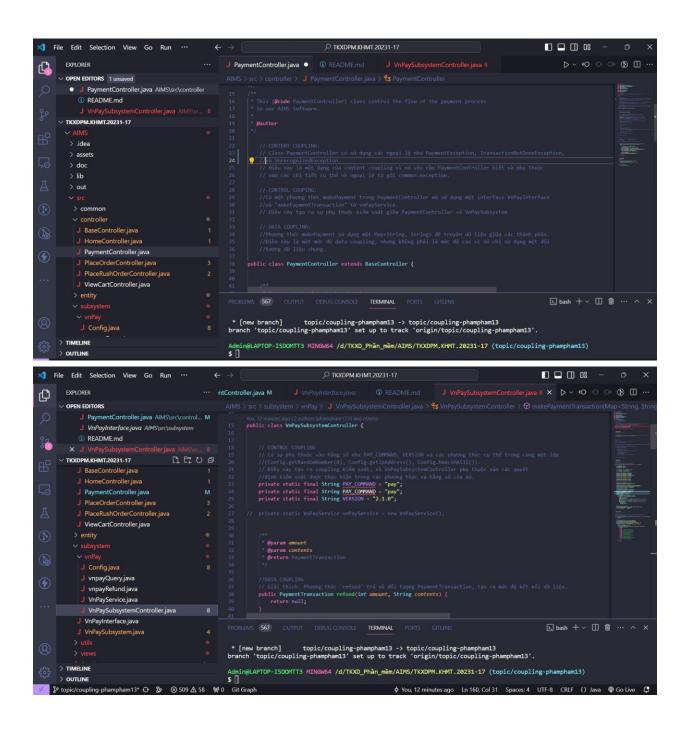


6.2 Coupling

```
| Second controller java | Second control cont
```

*Ngân: Phát hiện coupling với file PaymentController.java, VNPaySubsystemController.java





```
igert File Edit Selection View Go Run \cdots igle 	o
<sub>C</sub>
         EXPLORER

∨ OPEN EDITORS

                 J PaymentController.java AIMS\src\control... M
                  J VnPayInterface.java AIMS\src\subsystem

    README md

         ∨ TKXDPM.KHMT.20231-17

J ViewCartController.java

                                                                                                   // Create Payment transaction
String errorCode = response.get(key:"vnp_TransactionStatus");
String transaction(= response.get(key:"vnp_TransactionMo");
String transactionContent = response.get(key:"vnp_OrderInfo");
int amount = Integer.pairseint((String) response.get(key:"vnp_Amount")) / 100;
String createdAt = response.get(key:"vnp_PayDate");
SimpleDateFormat dateFormat = new SimpleDateFormat(pattern: "yyyyMidd#mmss");
                  J vnpayQuery.java
                   J vnpayRefund.java
                  J VnPayService.java
                     VnPaySubsystemController.java
```

6.3 SOLID

- Ngân: Identify violations of SOLID principles and propose remedies in
- -src/controller/ViewCartController.java

```
public class ViewCartController extends BaseController [ /*

/*

* SOLID: Không vi phạm nguyên tắc nào

You, 1 second ago • Uncommitted changes

*/
```

-src/controller/PlaceRushOrderController.java

-subsystem/vnPay/VnPaySubsystemController.java

-subsystem/ VnPaySubsystem.java: không có vi phạm nguyên tắc SOLID